TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thành Hưng.
Ông Đoàn Văn Nhanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25-02-2021).

Bị đơn: Ông Lê Minh C - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-7-2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé N trình bày: bà N và ông Lê Minh C cưới nhau năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 20-3-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà N và ông C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Bà N và ông C có hai con chung tên Lê

Thị Ngọc D, sinh ngày 15-8-2012 và Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09-8-2017. Hiện cả hai con chung đang sống với ông C. Bà N và ông C không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ. Về hôn nhân: bà N yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh C. Về con chung: Bà N yêu cầu ông C tiếp tục nuôi hai con chung, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Minh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: bà N và ông C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không có cơ hội đoàn tụ. Con chung hiện do ông C trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N và giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Minh C. Ông C cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà N và ông C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 20-3-2015 tại UBND xã B, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau và đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Tòa án đã triệu tập ông C để hòa giải hai lần nhưng ông C vẫn vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông vì vậy không có cơ hội cho bà N và ông C đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu về con chung của bà N: Mặc dù ông C không có ý kiến về con chung và việc nuôi con chung nhưng hiện cả 02 con chung đang do ông C trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bà N và ông C sống ly thân với nhau đến nay. Con chung thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ông C. Do đó để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao hai con chung cho ông C nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, ông C vắng mặt cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử tạm thời ghi nhận việc bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N cho rằng bà và ông C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà N và ông C có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N và giao con chung cho ông C nuôi là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé N đối với ông Lê Minh C về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với ông Lê Minh C.

Về con chung: ông Lê Minh C được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 15-8-2012 và Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09-8-2017. Hiện cả 02 con chung do ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời việc bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà N và ông C được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008966 ngày 12-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Hưng (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.